

Số: /2025/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định
biện pháp thi hành Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định
số 10/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
Luật sửa đổi một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày
25/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày
10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,
số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số
08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 78/2025/NĐ-CP ngày
01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh
sửa đổi điều 1 Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của
HĐND tỉnh về việc Ban hành chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1385/TTr-
SNNMT ngày 13/11/2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung
một số điều của Quy định biện pháp thi hành Nghị quyết 236/2019/NQ-HĐND
ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số
10/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều
của Quy định biện pháp thi hành Nghị quyết 236/2019/NQ-HĐND ngày
12/12/2019 của HĐND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-
UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định biện pháp thi hành Nghị quyết 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 4

“b) Ủy ban nhân dân các phường, xã lập dự toán kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo mức hỗ trợ quy định tại mục 2.3 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh được sửa đổi tại Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật để bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm của các phường, xã”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 5

“2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân các phường, xã thực hiện quyết định này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ dự toán chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân các phường, xã lập, thực hiện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Căn cứ dự toán chi phí đầu tư công trình ngoài hàng rào của Ủy ban nhân dân các phường, xã, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí từ nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Kiểm tra, giám sát việc quản lý, thanh quyết toán kinh phí cho các Nhà đầu tư, đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Thay thế cụm từ:

a) *“Sở Tài nguyên và Môi trường”* tại Điều 5 và Điều 11 của Quy định thành cụm từ *“Sở Nông nghiệp và Môi trường”*.

b) *“Sở Kế hoạch và Đầu tư”* tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 của Quy định thành cụm từ *“Sở Tài chính”*.

c) *“UBND các huyện, thị xã, thành phố”* tại khoản 1 điểm d, khoản 3 Điều 3, Điều 4, khoản 1 Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 3 Điều 10 của Quy định thành cụm từ *“Ủy ban nhân dân các phường, xã”*.

d) “UBND cấp huyện” và “UBND huyện” tại khoản 2 Điều 3 của Quy định thành cụm từ “Ủy ban nhân dân các phường, xã”.

đ) “UBND các huyện” tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Quy định thành cụm từ “Ủy ban nhân dân các phường, xã”.

2. Bãi bỏ một số cụm từ:

a) “và thị trấn” tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy định;

b) “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 2 Điều 9 của Quy định.

Điều 3. Bãi bỏ Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/12/2025.

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử phạt vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường